KB Securities VIETNAM

# VIETNAM DAILY

**[Điểm nhấn thị trường]**
TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn

**[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]**
Các HĐTL tăng điểm tương đương với diễn biến thị trường cơ sở

**[Thông tin doanh nghiệp]**
HPG, MSH

**[Quan điểm đầu tư]**
NĐT được khuyến nghị có thể gia tăng một phần vị thế trading khi chỉ số lùi xuống các vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần linh hoạt bán cân đối lại vị thế trong kịch bản chỉ số tiếp tục hồi phục.

**13/04/2022**

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|---|---|---|
| VNIndex | 1,477.20 | +1.51 |
| VN30 | 1,525.39 | +1.21 |
| HĐTL VN30F1M | 1,519.70 | +0.68 |
| HNXIndex | 427.45 | +1.53 |
| HNX30 | 771.62 | +1.79 |
| UPCoM | 113.30 | +0.68 |
| USD/VND | 22,889 | +0.03 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.99 | -1 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 2.04 | +2 |
| Dầu (WTI, $) | 100.85 | +0.25 |
| Vàng (LME, $) | 1,974.95 | +0.42 |

# Điểm nhấn thị trường

| | |
|---|---|
| **VNIndex** | **1,477.20 (+1.51%)** |
| **KLGD (triệu CP)** | **674.8 (+7.1%)** |
| **GTGD (triệu U$)** | **963.9 (+3.6%)** |
| **HNXIndex** | **427.45 (+1.53%)** |
| **KLGD (triệu CP)** | **90.4 (-5.3%)** |
| **GTGD (triệu U$)** | **100.0 (-9.5%)** |
| **UPCoM** | **113.30 (+0.68%)** |
| **KLGD (triệu CP)** | **56.9 (-4.7%)** |
| **GTGD (triệu U$)** | **39.7 (-26.8%)** |
| **NĐTNN mua ròng (triệu U$)** | **+65.2** |

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn sau khi Tổng cục Thống kê cho biết thị trường lao động quý I phục hồi nhanh mặc dù vẫn tiềm ẩn một số yếu tố thiếu bền vững. Bộ Công nghiệp và Ngoại thương Malaysia (MITI) mới đây ra thông báo sẽ tạm ngừng cấp phép cho các dự án mới đối với ngành công nghiệp giấy trong vòng 2 năm để chính phủ Malaysia có thời gian và nguồn lực để quản lý và giám sát việc nhập khẩu giấy thu hồi (RCP) theo quy chuẩn mới giúp cổ phiếu nhóm giấy, bao bì tăng giá ở DHC (+2.6%), APH (+2.1%). Theo Reuters, sản lượng dầu thô trung bình của Nga trong 11 ngày đầu tháng 4 đạt 10.32 triệu thùng/ngày - giảm 6% so với mức tháng 3 trong khi OPEC cho biết sẽ không thể nào thay thế được khoảng 7 triệu thùng/ngày sản lượng dầu của Nga và các loại sản phẩm khác từ dầu bị hao hụt khi các biện pháp trừng phạt bị áp dụng giúp cổ phiếu dầu khí tăng giá ở PVS (+3.3%), PVD (+2.9%). Khối ngoại mua ròng ở MWG (+2.3%), GEX (+7%), VIC (+1.1%).

**VNIndex & HNXIndex**

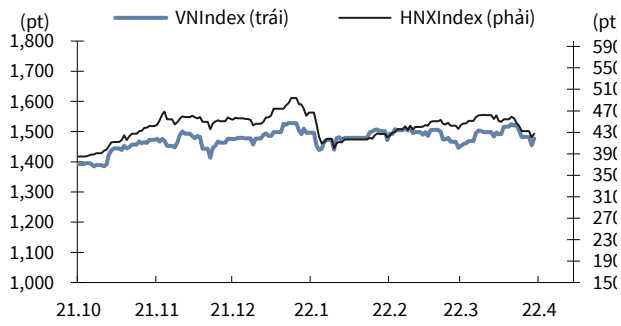


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Biến động nhóm ngành**

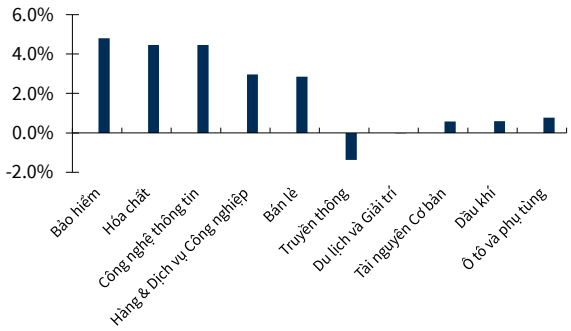


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm**

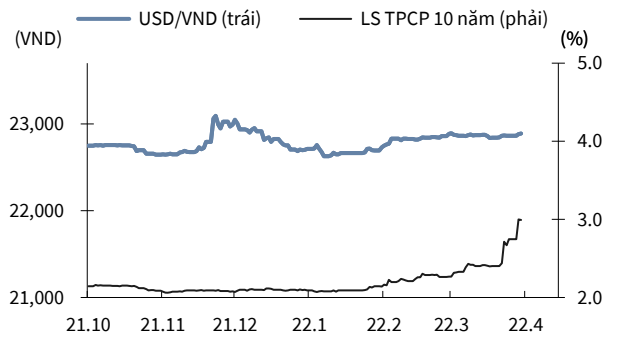


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng**

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|---|---|
| **VN30** | **1,525.39 (+1.21%)** |
| **VN30F1M** | **1,519.7 (+0.68%)** |
| **Mở cửa** | **1,511.4** |
| **Cao nhất** | **1,521.2** |
| **Thấp nhất** | **1,511.3** |
| **KLGD (HĐ)** | **133,660 (-20.8%)** |

Các HĐTL tăng điểm tương đương với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2204 và chỉ số VN30 tăng trong đầu phiên sáng lên mức 2.2 điểm, sau đó duy trì biến động trong mức dương trước khi đảo chiều vào cuối phiên, đóng cửa tại mức -5.7 điểm. Khối ngoại bán ròng mạnh trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm mạnh.

**HĐTL VN30F1M & VN30**

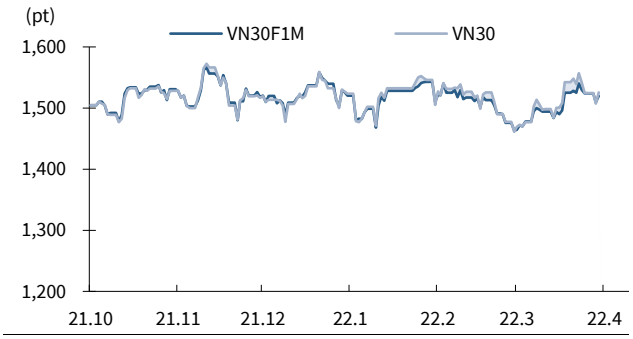


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**

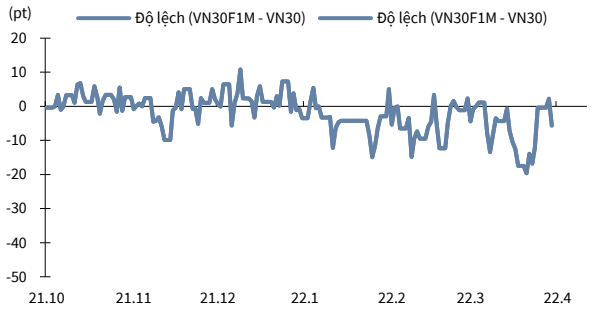


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**

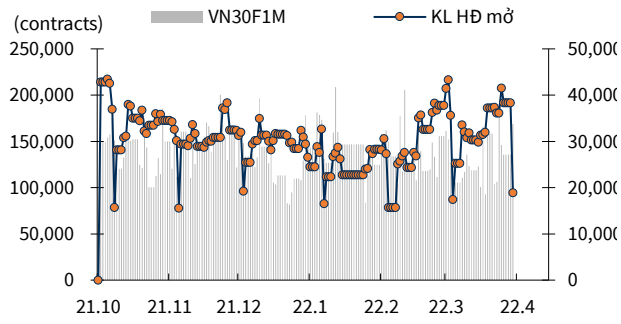


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**

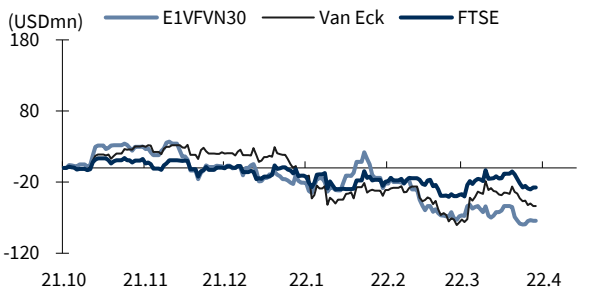


Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

**CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)**

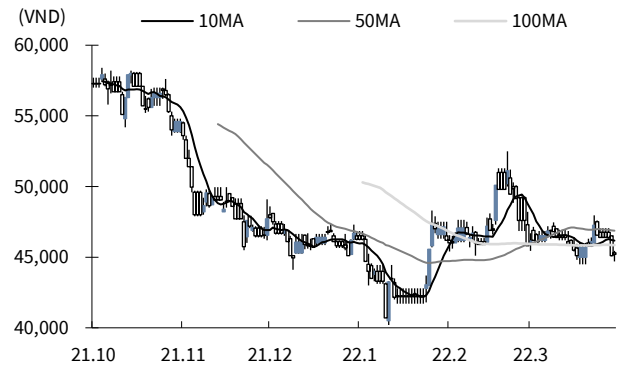


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 0.22% lên 45,200 VND/cp

- Tập đoàn Hòa Phát đề xuất đầu tư tổ hợp các dự án với tổng kinh phí đầu tư là khoảng 4.33 tỷ USD. Tổ hợp gồm dự án alumin, công suất 2 triệu tấn alumin/năm, nhà máy tuyển quặng công suất 5 triệu tấn/năm, dự án điện phân nhôm, công suất 0.5 triệu tấn/ năm và dự án nhà máy điện gió Hòa Phát công suất 1,500 MW.

**CTCP May Sông Hồng (MSH)**

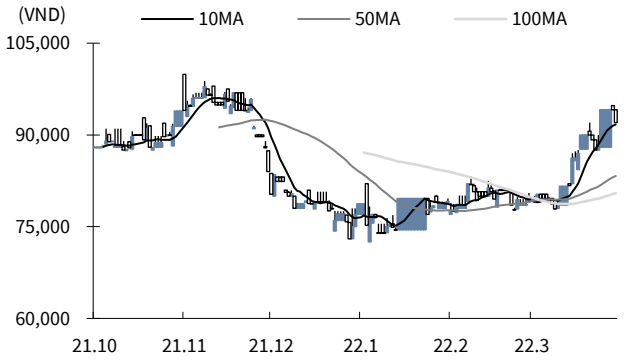


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSH giảm 2.23% xuống 92,000 VND/cp

- MSH dự kiến chia cổ tức năm 2021 tỷ lệ 95%, tăng so với phương án ban đầu là 30-45%, trong đó, cổ tức tiền mặt tỷ lệ 45% (đã tạm ứng) và cổ phiếu tỷ lệ 50%.

- Năm 2022, May Sông Hồng đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế 500 tỷ đồng, giảm 8% so với thực hiện 2021 và doanh thu 4,900 tỷ đồng, tăng 3% YoY. Tuy nhiên kế hoạch cổ tức 2022 giảm về 15-30%.

**Chuyên viên chiến lược đầu tư**
**Thái Hữu Công**
congth@kbsec.com.vn

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

**Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex**

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

— VNIndex trải qua nhịp rung lắc đầu phiên trước khi sớm hồi phục và dần mở rộng đà tăng hưng phấn về cuối phiên với các nhịp tăng gối đầu.

— Sự tiết giảm của bên bán cùng với sự tham gia tích cực của dòng tiền bắt đáy đã giúp cho trạng thái của thị trường trở nên bớt tiêu cực hơn đồng thời giữ vững kênh tăng điểm từ giữa tháng 1. Mặc dù vậy, chỉ số sẽ sớm đối mặt với áp lực rung lắc trong các phiên kế tiếp nhằm kiểm chứng sự ổn định của bên mua và vùng hỗ trợ gần quanh 1460 được kỳ vọng tạo điểm đỡ ngắn hạn cho VNIndex trước khi chỉ số thiết lập một mặt bằng giá vững chắc hơn.

— NĐT được khuyến nghị có thể gia tăng một phần vị thế trading khi chỉ số lùi xuống các vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần linh hoạt bán cân đối lại vị thế trong kịch bản chỉ số tiếp tục hồi phục.

## Chỉ số VN30

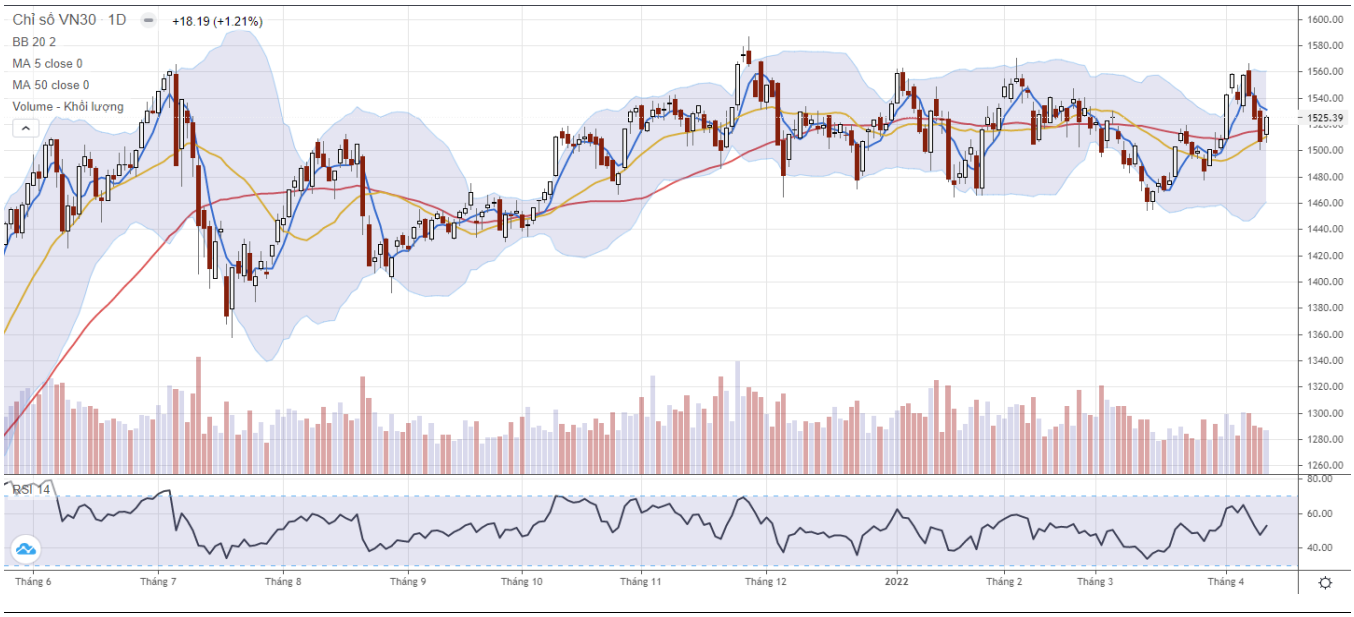


## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)

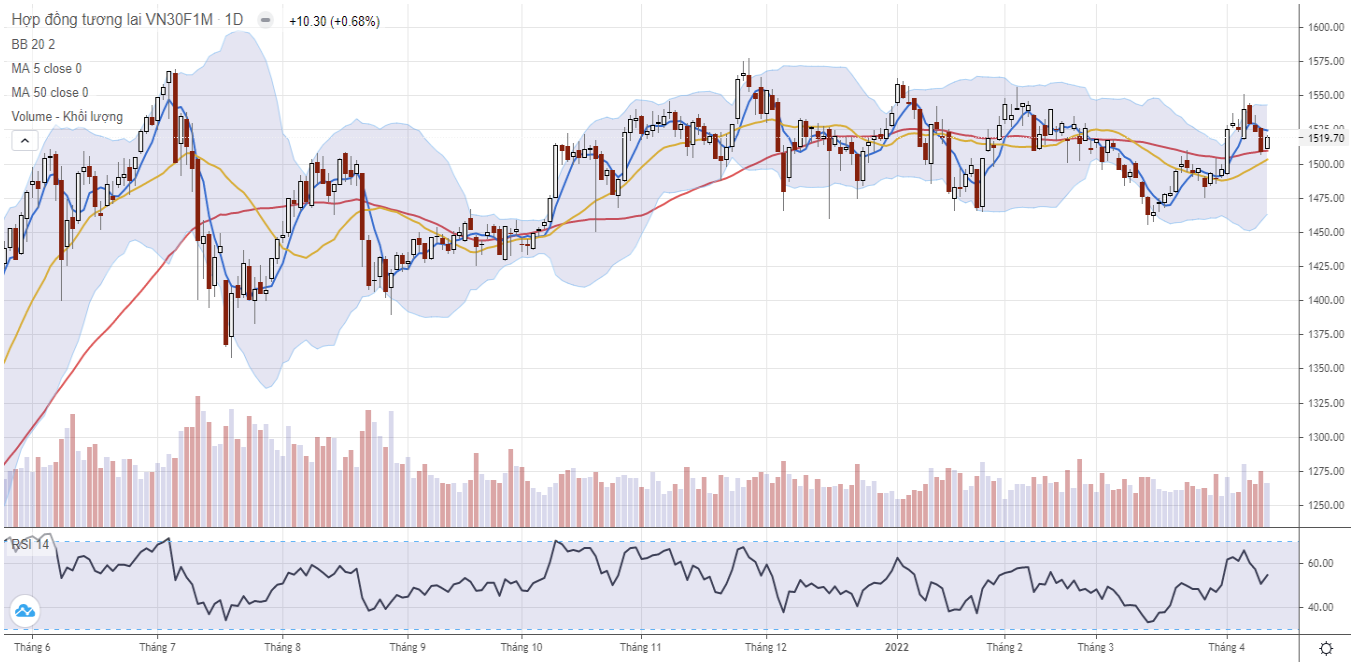


Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

**Ngưỡng trong phiên**

| | |
|---|---|
| Kháng cự xa: | 1535 - 1540 |
| Kháng cự gần: | 1527 - 1531 |
| Hỗ trợ gần: | 1506 - 1510 |
| Hỗ trợ xa: | 1492 - 1496 |

— F1 trải qua một nhịp tăng điểm giằng co đầu phiên trước khi dần mở rộng đà tăng hưng phấn về cuối phiên với các nhịp tăng gối đầu.

— Phiên hồi phục khá mạnh về điểm số nhưng lại đi kèm sự sụt giảm của thanh khoản cho thấy động lực đi lên phần nhiều dựa vào tự tiết giảm của bên bán và chỉ số sẽ sớm đối mặt với áp lực rung lắc để kiểm chứng sự ổn định của bên mua. Vùng hỗ trợ tại quanh 150x được kỳ vọng sẽ tạo điểm đỡ ngắn hạn cho F1 trước khi chỉ số thiết lập một mặt bằng giá vững chắc hơn.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các nhịp hồi sớm nhưng ưu tiên mở LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ xa.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở 1 phần trạng thái LONG tại vùng hỗ trợ xa nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

**Khối phân tích KBSV**

**Phương pháp tiếp cận:**

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|---|---|---|
| **Tăng trong phiên** | 1.21% | 2.45% |
| **Tăng lũy kế (YTD)** | -0.67% | 7.00% |

**So sánh hiệu suất với VN30 Index**

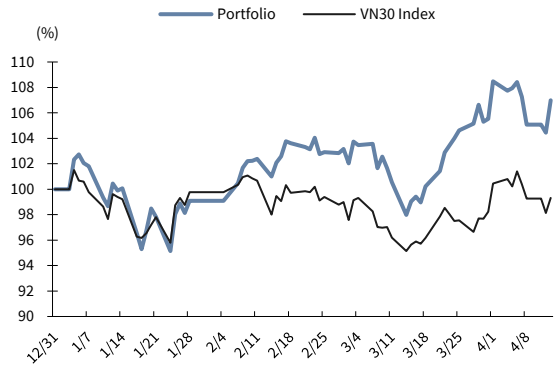


**Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước**

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 13/04/2022 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 156,200 | 2.3% | 97.6% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD<br>- BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối<br>- Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Dam Phu My (DPM) | 04/03/2022 | 68,000 | 4.3% | 8.1% | - Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi<br>- Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp |
| Phu Nhuan Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 116,000 | 3.2% | 46.6% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao<br>- PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay<br>- Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Nam Tan Uyen (NTC) | 11/11/2021 | 209,000 | -0.7% | 9.6% | - Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022<br>- Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp<br>- Cấu trúc tài chính lành mạnh |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 81,100 | 2.5% | 132.6% | - Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE<br>- Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 115,100 | 4.8% | 277.2% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh<br>- Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15%<br>- Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 31/01/2020 | 31,500 | 1.6% | 64.0% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019<br>- Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020<br>- Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| PV Gas (GAS) | 11/12/2020 | 110,100 | 1.1% | 48.4% | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện<br>- Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu<br>- Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 45,200 | 0.2% | 211.6% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại<br>- Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục<br>- Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbac City Development (KBC) | 09/03/2020 | 51,400 | 5.1% | 256.9% | - Giá bán khu độ thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng<br>- Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA<br>- Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

### HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|
| MWG | 2.3% | 49.0% | 1,434.4 |
| GEX | 6.9% | 8.5% | 85.3 |
| VIC | 1.1% | 12.6% | 63.5 |
| GMD | 6.9% | 42.9% | 47.1 |
| NVL | 1.8% | 6.5% | 38.4 |
| **Mã** | **Thay đổi (%)** | **Sở hữu nước ngoài (%)** | **Bán ròng (Tỷ VND)** |
| VHM | 0.1% | 23.6% | -106.9 |
| DGC | 7.0% | 14.0% | -71.1 |
| HPG | 0.2% | 21.9% | -36.3 |
| VHC | 0.1% | 25.4% | -40.1 |
| VNM | 0.5% | 54.3% | -39.5 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

### HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|
| SHS | 0.0% | 8.2% | 43.6 |
| PVS | 3.3% | 8.4% | 14.7 |
| PVI | 3.3% | 57.9% | 1.5 |
| TVD | -1.2% | 2.4% | 0.9 |
| HVT | 0.2% | 1.8% | 0.6 |
| **Ticker** | **Thay đổi (%)** | **Sở hữu nước ngoài (%)** | **Bán ròng (Tỷ VND)** |
| THD | 0.8% | 1.5% | -1.5 |
| NVB | 0.3% | 8.0% | -0.7 |
| HMH | -8.1% | 3.7% | -0.4 |
| CEO | 4.6% | 0.5% | -0.3 |
| BCC | 2.7% | 1.8% | -0.2 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

### Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---|---|---|
| Công nghệ thông tin | 0.9% | FPT, ICT |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | -1.8% | MSH, TLG |
| Bán lẻ | -2.1% | AST, BTT |
| Bất động sản | -2.2% | VIC, BCM |
| Hóa chất | -2.3% | DGC, DPM |
| **5 ngành diễn biến tiêu cực nhất** | **Thay đổi (%)** | **Mã tiêu biểu** |
| Truyền thông | -11.9% | YEG, YEG |
| Xây dựng và Vật Liệu | -6.1% | VGC, VCG |
| Tài nguyên Cơ bản | -4.9% | HPG, HSG |
| Dịch vụ tài chính | -4.8% | SSI, VCI |
| Ô tô và phụ tùng | -4.7% | TCH, DRC |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

### Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---|---|---|
| Công nghệ thông tin | 22.1% | FPT, CMG |
| Bán lẻ | 17.4% | MWG, FRT |
| Bảo hiểm | 13.3% | BVH, MIG |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 8.9% | PNJ, MSH |
| Hóa chất | 6.2% | DGC, GVR |
| **5 ngành diễn biến tiêu cực nhất** | **Thay đổi (%)** | **Mã tiêu biểu** |
| Truyền thông | -11.8% | YEG, YEG |
| Du lịch và Giải trí | -5.4% | HVN, VJC |
| Dầu khí | -4.6% | PVD, PLX |
| Tài nguyên Cơ bản | -2.9% | HPG, HSG |
| Ô tô và phụ tùng | -1.8% | TCH, DRC |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn) | GTGD (VNDtriệu, USDmn) | Room còn lại (%, -1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 248,372 (10.9) | 22.5 | 74.4 | 35.4 | 14.7 | 4.4 | 8.4 | 3.2 | 2.9 | 1.1 | -0.1 | 4.1 | -13.6 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 300,343 (13.1) | 26.6 | 8.9 | 7.6 | 35.9 | 24.6 | 22.7 | 2.0 | 1.6 | 0.1 | -4.3 | -2.5 | -10.9 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 130,985 (5.7) | 17.8 | 26.9 | 18.5 | -7.6 | 9.0 | 11.6 | 2.2 | 2.1 | 2.4 | -5.3 | 0.0 | 5.8 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 45,853 | 86,712 (3,768) | 447,709 (19.6) | 31.3 | 30.3 | 19.8 | 6.7 | 15.2 | 18.7 | 4.1 | 3.3 | 1.8 | -1.4 | 12.0 | -4.9 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 31,182 | 19,167 (833) | 61,987 (2.7) | 11.6 | 23.3 | 18.7 | 13.7 | 13.7 | 14.4 | 2.7 | 2.3 | 1.0 | -2.7 | -0.8 | -0.8 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 21,130 | 12,594 (547) | 560,605 (24.5) | 13.9 | 17.4 | 19.3 | - | 15.0 | 12.4 | 1.9 | 2.3 | 7.0 | -9.3 | -2.0 | 13.7 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 79,937 | 378,305 (16,441) | 85,170 (3.7) | 6.3 | 14.5 | 12.0 | 11.7 | 20.9 | 21.7 | 2.8 | 2.3 | 0.0 | -0.7 | -1.7 | 4.6 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 34,507 | 174,556 (7,586) | 108,681 (4.8) | 12.7 | 15.0 | 10.9 | -5.3 | 17.2 | 20.2 | 2.2 | 1.7 | 1.1 | -5.5 | -2.3 | 10.2 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 275,838 (12.1) | 0.0 | 7.8 | 6.4 | 14.3 | 21.0 | 20.6 | 1.5 | 1.2 | 0.0 | -2.1 | -1.8 | -4.0 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 28,512 | 137,021 (5,955) | 172,510 (7.5) | 1.4 | 7.6 | 6.5 | 50.3 | 20.3 | 20.9 | 1.4 | 1.2 | 1.6 | -2.6 | -2.3 | -7.1 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 22,944 | 101,381 (4,406) | 643,298 (28.1) | 0.0 | 11.8 | 9.5 | 18.8 | 16.2 | 16.9 | 1.8 | 1.5 | 0.0 | 1.8 | 7.1 | 8.9 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 19,407 | 73,327 (3,187) | 425,938 (18.6) | 0.0 | 8.1 | 6.5 | 14.6 | 23.7 | 23.2 | 1.6 | 1.3 | 1.1 | -0.2 | 3.7 | 12.8 |
| | HDB | HDBANK | 20,400 | 40,641 (1,766) | 99,107 (4.3) | 4.2 | 7.8 | 6.7 | 23.3 | 21.8 | 19.8 | - | - | 0.7 | -2.6 | 2.6 | -9.2 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 478,349 (20.9) | 14.0 | 13.6 | 8.0 | 26.5 | 13.9 | 17.8 | 1.5 | 1.3 | 1.8 | -1.4 | -2.2 | -0.5 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 20,630 | 28,732 (1,249) | 191,106 (8.4) | 0.0 | 9.4 | 7.6 | 37.4 | 23.0 | 22.6 | 2.0 | 1.6 | 5.1 | -2.0 | 3.5 | -2.6 |
| | EIB | VIETNAM EXPORT-I | 18,500 | 22,745 (988) | 22,069 (1.0) | 0.2 | - | - | 27.3 | - | - | - | - | 0.9 | -6.1 | -3.7 | 1.2 |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 89,024 (3.9) | 21.0 | 21.2 | 18.3 | 15.8 | 10.2 | 11.1 | 2.1 | 1.9 | 5.5 | -0.8 | 11.1 | 13.0 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250 | 2,439 (106) | 32,123 (1.4) | 14.2 | 38.2 | 17.3 | 9.1 | 11.6 | 13.5 | 4.2 | 1.9 | 2.6 | -8.8 | -0.8 | -9.2 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 21,998 | 19,947 (867) | 345,904 (15.1) | 55.4 | 19.0 | 17.9 | -3.2 | 15.2 | 15.2 | - | - | 1.8 | -4.0 | -5.4 | -17.9 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 27,500 | 9,108 (396) | 129,574 (5.7) | 71.9 | - | - | -4.0 | - | - | - | - | 1.1 | -7.7 | -12.9 | -25.8 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265 | 8,907 (387) | 117,960 (5.2) | 52.4 | - | - | -19.0 | - | - | - | - | 0.6 | -7.9 | -10.2 | -28.6 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 6,983 | 5,734 (249) | 381,100 (16.7) | 27.2 | - | - | 36.3 | - | - | - | - | 7.0 | 2.0 | 8.6 | 6.1 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 241,711 (10.6) | 42.1 | 16.1 | 14.9 | 4.0 | 30.9 | 32.9 | 4.7 | 4.4 | 0.5 | -4.0 | -1.0 | -10.6 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365) | 23,776 (1.0) | 36.9 | 24.5 | 20.2 | 7.3 | 19.6 | 21.4 | 4.4 | 4.0 | 0.1 | -1.6 | 6.2 | 8.3 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 79,250 | 111,712 (4,855) | 148,447 (6.5) | 16.5 | 33.7 | 24.6 | -51.9 | 17.9 | 22.6 | 5.7 | 4.6 | 1.2 | 0.4 | 6.9 | -10.9 |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 121,144 (5.3) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | 3.4 | -8.1 | -4.1 | -22.4 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 132,690 (5.8) | 11.0 | 120.2 | 24.2 | -88.5 | 6.8 | 19.8 | - | - | 0.1 | -2.4 | -0.3 | 7.6 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 188,469 (8.2) | 10.8 | 23.1 | 20.2 | -57.0 | 12.2 | 13.6 | 2.6 | 2.4 | 6.9 | -6.4 | 0.0 | 17.8 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 259,807 (11.4) | 38.4 | 10.2 | 13.3 | 65.7 | 14.1 | 9.3 | 1.3 | 1.4 | 1.8 | -8.1 | -2.5 | -37.5 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | 143,236 (6.3) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | -3.0 | -27.0 | -38.1 | -62.4 |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 15,802 | 10,411 (452) | 616,391 (27.0) | 37.7 | 17.5 | 12.8 | -14.4 | 12.0 | 15.1 | - | - | 6.9 | -9.5 | -4.6 | -10.9 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200 | 5,438 (236) | 92,360 (4.0) | 3.6 | 16.1 | 12.0 | -52.4 | 4.2 | 5.4 | 0.7 | 0.6 | -4.8 | -19.8 | -10.4 | -30.4 |
| | REE | REE | 59,600 | 18,419 (800) | 68,036 (3.0) | 0.0 | 12.7 | 10.6 | -4.5 | 13.8 | 14.4 | 1.7 | 1.5 | 2.5 | -1.1 | 12.3 | 17.4 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn) | GTGD (VNDtriệu, USDmn) | Room còn lại (%, -1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100 | 172,447 (7,494) | 73,636 (3.2) | 46.1 | 18.2 | 16.8 | -17.5 | 20.5 | 19.5 | 3.7 | 3.5 | 1.1 | -3.7 | -2.5 | 14.4 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 20,378 (0.9) | 31.4 | 12.3 | 9.9 | -10.5 | 14.3 | 15.8 | 1.5 | 1.4 | -0.4 | -1.3 | 1.6 | -12.9 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 2,775 (0.1) | 34.1 | 15.4 | 9.6 | -5.1 | 10.1 | 17.3 | 1.4 | 1.3 | -0.5 | -3.6 | -3.6 | -11.4 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 32,481 | 145,287 (6,314) | 814,407 (35.6) | 18.0 | 7.0 | 6.7 | 21.9 | 28.1 | 23.1 | 1.7 | 1.4 | 0.2 | -2.0 | -5.0 | -2.6 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (296) | 452,307 (19.8) | 36.5 | 8.2 | 17.1 | -0.5 | 32.8 | 17.8 | 2.6 | 3.4 | 4.3 | 4.3 | 2.4 | 36.0 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 350,322 (15.3) | 46.5 | 8.9 | 13.1 | -4.5 | 29.9 | 17.6 | 2.3 | 2.1 | 3.3 | -3.8 | -12.3 | 11.2 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 22,636 | 11,063 (481) | 346,272 (15.1) | 38.9 | 5.3 | 6.1 | 67.9 | 24.0 | 19.9 | 1.2 | 1.0 | 0.9 | -7.2 | -16.5 | -11.5 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 120,249 (5.3) | 97.2 | 16.8 | 16.9 | 17.2 | 7.0 | - | 1.2 | 1.1 | 3.9 | -7.5 | -2.8 | -14.4 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 99,502 (4.4) | 4.6 | 20.1 | 16.0 | -51.0 | 14.1 | 15.9 | 2.1 | 2.0 | 0.2 | -2.5 | -5.7 | 1.5 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 23,400 | 9,854 (428) | 215,236 (9.4) | 39.9 | 31.5 | 14.8 | -11.9 | 3.3 | 5.9 | 0.9 | 0.8 | 2.9 | -12.5 | -19.7 | 0.5 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 110,129 (4.8) | 35.9 | 8.8 | 7.6 | 2.2 | 16.5 | 16.4 | 1.3 | 1.1 | 2.4 | -6.0 | -10.5 | -2.3 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 93,000 | 65,024 (2,826) | 285,953 (12.5) | 0.0 | 17.4 | 14.5 | 14.4 | 28.1 | 28.0 | 4.6 | 3.9 | 2.3 | 0.6 | 17.4 | 14.9 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,500 | 19,895 (865) | 120,472 (5.3) | 0.0 | 19.8 | 16.2 | 2.4 | 20.9 | 20.8 | 3.6 | 2.9 | 3.2 | -1.5 | 11.0 | 20.6 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 12,104 (0.5) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | 3.7 | -18.5 | -17.9 | -12.0 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 28,200 | 2,227 (097) | 136,350 (6.0) | 30.3 | 19.6 | 17.3 | -75.2 | 30.4 | 27.8 | 5.6 | 4.5 | 6.9 | 1.0 | 20.4 | 54.7 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 48,433 (2.1) | 34.6 | 10.9 | 12.3 | 41.2 | 35.0 | 25.3 | 3.1 | 2.7 | 5.5 | -3.3 | 9.0 | 13.9 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 3,555 (0.2) | 45.4 | 17.1 | 15.7 | 10.7 | 20.1 | 19.9 | 3.2 | 2.9 | 0.8 | -4.8 | -8.1 | -9.0 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | #N/A (#N/A) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | - | - | - | - |
| IT | FPT | FPT CORP | 68,000 | 61,301 (2,664) | 299,247 (13.1) | 0.0 | 20.7 | 16.6 | 15.5 | 27.3 | 29.5 | 5.0 | 4.3 | 4.8 | 5.6 | 23.5 | 23.8 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM


**Nguyễn Xuân Bình**
**Giám đốc Khối Phân tích**
binhnx@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**
**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp**
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**
**Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ**
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**
**Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở**
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lê Anh Tùng**
**Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng**
tungla@kbsec.com.vn

**Nguyễn Ngọc Hiếu**
**Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng**
hieunn@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**
**Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics**
quangtpt@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**
**Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng**
dunglnt@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**
**Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư**
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**
**Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng**
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**
**Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap**
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**
**Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap**
anhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**
**Chuyên viên hỗ trợ**
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**
**Chuyên viên hỗ trợ**
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

**Trụ sở chính:**
Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

**Chi nhánh Hà Nội:**
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

**Chi nhánh Hồ Chí Minh:**
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

**Chi nhánh Sài Gòn:**
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

**LIÊN HỆ**
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

## Hệ thống khuyến nghị

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu**
**(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)**

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|---|---|---|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành**
**(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)**

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|---|---|---|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.